

Số: /BC-STP

Tuyên Quang, ngày tháng năm 2021

BÁO CÁO

Kết quả thẩm định dự thảo Quyết định Sửa đổi, bổ sung quy định tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương trong các cơ quan chuyên môn, cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc và trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

Sở Tư pháp nhận được Văn bản số 1186/SNV-CCVC ngày 13/12/2021 của Sở Nội vụ về việc đề nghị thẩm định dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh (dự thảo Quyết định Sửa đổi, bổ sung quy định tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương trong các cơ quan chuyên môn, cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc và trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố), sau khi nghiên cứu, Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

I. CĂN CỨ THẨM ĐỊNH VĂN BẢN

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

- Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

- Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

- Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

- Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ Quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (*viết tắt là Nghị định số 24/2014/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 107/2020/NĐ-CP)*);

- Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức;

- Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư;

- Một số văn bản, tài liệu có liên quan.

II. NỘI DUNG THẨM ĐỊNH (Tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo Quyết định với hệ thống pháp luật; sự phù hợp của nội dung dự thảo Quyết định với các quy định trong văn bản đã giao quy định chi tiết)

1. Sự cần thiết ban hành văn bản

Từ năm 2017 đến nay, căn cứ các quy định của pháp luật Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành 20 Quyết định Quy định về tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương các cơ quan chuyên môn, cơ quan quản lý nhà nước thuộc và trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; 06 Quyết định Quy định về tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

Ngày 11/6/2021, Bộ Nội vụ đã ban hành Thông tư số 02/2021/TT-BNV Quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư (*có hiệu lực từ ngày 01/8/2021*), trong đó quy định tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính có thay đổi so với các quy định tại

Thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày 09/10/2014 Quy định chức danh, mã số ngạch và tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn các ngạch công chức chuyên ngành hành chính; Thông tư số 05/2017/TT-BNV ngày 15/8/2017 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày 09/10/2014 và Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn, bổ nhiệm ngạch và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và việc tổ chức thi nâng ngạch công chức. Việc thay đổi các quy định tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, trình độ đào tạo, bồi dưỡng đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính, dẫn đến một số nội dung quy định về tiêu chuẩn bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc các cơ quan chuyên môn, cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc và trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố không còn phù hợp, cần kịp thời sửa đổi, bổ sung cho phù hợp các quy định hiện hành.

Khoản 5 Điều 12 Nghị định số 24/2014/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 107/2020/NĐ-CP) quy định: *“Điều 12. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: 5. Căn cứ quy định khung của Chính phủ và theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ, quy định cụ thể tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý cấp sở, chi cục thuộc sở, phòng và tương đương thuộc sở, phòng thuộc chi cục thuộc sở và phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, bảo đảm phù hợp với đặc thù của địa phương và không được thấp hơn quy định khung của Chính phủ”*.

Từ các vấn đề nêu trên, việc trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định Sửa đổi, bổ sung quy định tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương trong các cơ quan chuyên môn, cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc và trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố là cần thiết và có cơ sở.

2. Dự thảo Quyết định

2.1. Tên (trích yếu) dự thảo Quyết định quy định: *“Sửa đổi, bổ sung quy định tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương trong các cơ quan chuyên môn, cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc và trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố”*, đề nghị nghiên cứu, chỉnh sửa thành:

“Sửa đổi, bổ sung các quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang quy định tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương trong các cơ quan chuyên môn, cơ quan quản lý nhà

nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc và trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố”.

2.2. Căn cứ ban hành

- Đề nghị trình bày từng văn bản là căn cứ ban hành thành khổ riêng (*trừ trường hợp văn bản được sửa đổi, bổ sung và văn bản sửa đổi, bổ sung*).

- Căn cứ thứ 9, đề nghị bổ sung từ “*Bộ trưởng*” cụ thể như sau: “*Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11 tháng 6 năm 2021 của **Bộ trưởng** Bộ Nội vụ...*”.

2.3. Điều 1 (Sửa đổi, bổ sung quy định tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương trong các cơ quan chuyên môn, cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc và trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố tại các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh)

2.2.1. Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu quy định tại Điều 80, Điều 81 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (*được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP*) để bố cục lại Điều 1 dự thảo Quyết định theo hướng mỗi quyết định của UBND tỉnh được sửa đổi, bổ sung tại một điều; đồng thời, đề nghị trình bày nội dung sửa đổi, bổ sung theo thứ tự điều, khoản, điểm; tách một điều riêng quy định về nội dung bãi bỏ.

Ví dụ:

“Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 26/2017/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành Quy định về điều kiện, tiêu chuẩn chức danh Trưởng, Phó đơn vị thuộc và trực thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

1. Sửa đổi, bổ sung điểm d, điểm đ khoản 2 Điều 4 như sau:

“d) Bảo đảm các tiêu chuẩn của ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức hiện giữ theo quy định hiện hành

đ) Có chứng chỉ bồi dưỡng chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng được cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 5 như sau:

“b) Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước ngạch chuyên viên trở lên”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 6 như sau:

...

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số

...

Điều ... Bãi bỏ một số nội dung tại quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang quy định tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương trong các cơ quan chuyên môn, cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc và trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

1. Bãi bỏ tại Quyết định số ...

2. Bãi bỏ ... tại Quyết định số”.

2.2.2. Khoản 1 (Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 26/2017/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành Quy định về điều kiện, tiêu chuẩn chức danh Trưởng, Phó đơn vị thuộc và trực thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố)

a) Điểm b, quy định: “*b) Sửa đổi điểm d, điểm đ khoản 2 Điều 4; điểm d, điểm đ khoản 2 Điều 6 như sau: “Bảo đảm các tiêu chuẩn của ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức hiện giữ theo quy định hiện hành””.*

Theo quy định trên, sau khi chỉnh sửa thì điểm d, điểm đ khoản 2 Điều 4, điểm d, điểm đ khoản 2 Điều 6 Quyết định số 26/2017/QĐ-UBND trùng lặp về nội dung là “*Bảo đảm các tiêu chuẩn của ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức hiện giữ theo quy định hiện hành*”, như vậy trong cùng một khoản có 02 điểm d, đ giống hệt nhau là không phù hợp về kỹ thuật soạn thảo.

Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát toàn bộ các nội dung tương tự của dự thảo quyết định để chỉnh sửa cho phù hợp.

b) Điểm g, quy định: “*Không thuộc các trường hợp bị cấm đảm nhiệm chức vụ theo quy định của Đảng và pháp luật; không thuộc các trường hợp quy định tại các khoản: 2, 3, 4 Điều 82 Luật Cán bộ, công chức năm 2008 và các khoản: 2, 3, 4 Điều 56 Luật Viên chức năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 17 Điều 1 và khoản 8 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật viên chức năm 2019)*”, đề nghị nghiên cứu, chỉnh sửa thành: “*Không thuộc các trường hợp bị cấm đảm nhiệm chức vụ theo quy định của Đảng và pháp luật; không thuộc trường hợp quy định tại **Điều 82** Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 17 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật viên chức năm 2019) và **Điều 56** Luật Viên chức năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8*

Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật viên chức năm 2019)”.
Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát toàn bộ các nội dung tương tự của dự thảo quyết định để chỉnh sửa cho phù hợp.

c) **Điểm h**, quy định:

“Bổ sung khoản 7 vào Điều 8 như sau: “7. Thời gian công tác: a) Đối với chức danh Trưởng phòng và tương đương thuộc Văn phòng, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Văn phòng, Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện: Có thời gian công tác từ đủ 05 năm trở lên (đủ 60 tháng, không tính thời gian tập sự, thử việc), có ít nhất 03 năm liên tục, liền kề trước thời điểm bổ nhiệm được đánh giá, xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; đã đảm nhiệm chức vụ Phó Trưởng phòng hoặc tương đương từ đủ 02 năm (đủ 24 tháng) trở lên. b) Đối với chức danh Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Văn phòng, cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện: Có thời gian công tác từ đủ 03 năm trở lên (đủ 36 tháng, không tính thời gian tập sự, thử việc), có ít nhất 03 năm liên tục, liền kề trước thời điểm bổ nhiệm được đánh giá, xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên”.

Tuy nhiên, hiện nay Điều 8 Quyết định số 26/2017/QĐ-UBND đã có khoản 7, việc bổ sung khoản 7 nêu trên chưa phù hợp với điểm b, điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 79 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP):

“Điều 79. Cách đánh số thứ tự của điều, khoản bổ sung và trật tự các điều, khoản của văn bản được sửa đổi, bổ sung một số điều

1. Việc đánh số thứ tự của điều, khoản bổ sung được thực hiện như sau:

b) Đánh số thứ tự của điều, khoản bổ sung bằng cách ghi kèm chữ cái theo bảng chữ cái tiếng Việt vào sau số chỉ điều, khoản đứng liền trước đó;

c) Số thứ tự của chương, mục, tiểu mục, điều, khoản được bổ sung được thể hiện gồm phần số và phần chữ. Phần số được thể hiện theo số thứ tự của chương, mục, tiểu mục, điều, khoản trong văn bản được sửa đổi, bổ sung. Phần chữ được sắp xếp theo thứ tự trong bảng chữ cái tiếng Việt.

2. Việc trình bày văn bản sửa đổi, bổ sung một số điều không được làm thay đổi trật tự các điều, khoản, điểm không bị sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ của văn bản được sửa đổi, bổ sung”.

Ngoài ra, khoản 7, 8, 9, 10 Điều 8 Quyết định số 26/2017/QĐ-UBND quy định:

“7. Đối với chức danh Trưởng đơn vị thuộc và trực thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: Có thời gian giữ chức vụ Phó đơn vị thuộc và trực thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh từ 02 năm trở lên hoặc Trưởng, Phó Trưởng phòng thuộc các sở, ban, ngành và tương đương từ 03 năm trở lên.

8. Đối với chức danh Phó đơn vị thuộc và trực thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: Có thời gian công tác từ 03 năm trở lên tại các đơn vị thuộc và trực thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (không kể thời gian tập sự, thử việc); nếu là công chức được điều động từ các sở, ban, ngành hoặc tương đương thì phải giữ chức vụ Phó Trưởng phòng trở lên.

9. Đối với chức danh Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện: Có thời gian giữ chức vụ Phó Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện từ 02 năm trở lên hoặc Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện từ 03 năm trở lên.

10. Đối với chức danh Phó Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện: Có kinh nghiệm công tác từ 03 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc)”.

Như vậy, điểm h khoản 1 Điều 1 dự thảo Quyết định quy định bổ sung khoản 7 Điều 8 Quyết định số 26/2017/QĐ-UBND nhưng thực chất là sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 8 (không phải bổ sung); ngoài ra, nếu khi dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung khoản 7 nêu trên cần thiết phải quy định bãi bỏ khoản 8, 9, 10 Điều 8 Quyết định số 26/2017/QĐ-UBND. Vì vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu để chỉnh sửa.

2.2.3. Khoản 3 (Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 07/2018/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố), **Điểm d**, quy định:

“d) Sửa đổi **khoản 5** Điều 5 như sau: “Không thuộc các trường hợp bị cấm đảm nhiệm chức vụ theo quy định của Đảng và pháp luật; không thuộc các trường hợp quy định tại các khoản: 2, 3, 4 Điều 82 Luật Cán bộ, công chức năm 2008 và các khoản: 2, 3, 4 Điều 56 Luật Viên chức năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 17 Điều 1 và khoản 8 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật viên chức năm 2019)”.

Tuy nhiên, việc quy định sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 5 Quyết định số 07/2018/QĐ-UBND là chưa chính xác, vì khoản 5, khoản 6 Quyết định số 07/2018/QĐ-UBND quy định:

“5. Có đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

6. Không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 82 Luật Cán bộ, công chức năm 2008 và khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 56 Luật Viên chức năm 2010; không trong thời gian bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc”.

Vì vậy, đề nghị chỉnh sửa điểm d thành “Sửa đổi, **bổ sung khoản 6 Điều 5** như sau: “Không thuộc các trường hợp bị cấm đảm nhiệm chức vụ theo quy định của Đảng và pháp luật; không thuộc trường hợp quy định tại **Điều 82** Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 17 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật viên chức năm 2019) và **Điều 56** Luật Viên chức năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật viên chức năm 2019)”.

2.2.4. Khoản 5 (Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 12/2018/QĐ-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danh người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Sở Nội vụ; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố), **điểm e**, quy định:

“e) **Gộp khoản 8 vào khoản 6 Điều 5 và sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 5** như sau: “6. Thời gian công tác: a) Đối với chức danh Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở, Trưởng phòng Nội vụ (Thủ trưởng cơ quan Tổ chức - Nội vụ) huyện, thành phố:...”.

Đề nghị chỉnh sửa điểm e theo hướng sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 5; bãi bỏ khoản 8 Điều 5 để đảm bảo phù hợp về thể thức, kỹ thuật soạn thảo.

2.2.5. Khoản 20 (Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Thanh tra tỉnh; Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra Sở; Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra huyện, thành phố thuộc tỉnh Tuyên Quang), **điểm e**, quy định:

“e) Sửa đổi **khoản 6 Điều 5** như sau: “Không thuộc các trường hợp bị cấm đảm nhiệm chức vụ theo quy định của Đảng và pháp luật; không thuộc các trường hợp quy định tại các khoản: 2, 3, 4 Điều 82 Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 17 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật viên chức năm 2019)”.

Tuy nhiên, việc quy định sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 5 Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND là chưa chính xác, vì khoản 5, khoản 6 Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND quy định:

“5. Không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 82 Luật cán bộ, công chức năm 2008.

6. Có sức khỏe tốt để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao”.

Vì vậy, đề nghị chỉnh sửa điểm e thành “e) Sửa đổi **khoản 5 Điều 5** như sau: “*Không thuộc các trường hợp bị cấm đảm nhiệm chức vụ theo quy định của Đảng và pháp luật; không thuộc trường hợp quy định tại **Điều 82** Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 17 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật viên chức năm 2019)*”.

2.2.6. Khoản 21 (Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 182/QĐ-UBND ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng thuộc Trung tâm Xúc tiến đầu tư tỉnh Tuyên Quang)

Quyết định số 182/QĐ-UBND không phải là văn bản quy phạm pháp luật theo Điều 2 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) “... Văn bản có chứa quy phạm pháp luật nhưng được ban hành không đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục quy định trong Luật này thì không phải là văn bản quy phạm pháp luật”, việc quy định văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung văn bản cá biệt là không phù hợp. Vì vậy, đề nghị bỏ khoản 21, đồng thời đề nghị Sở Nội vụ phối hợp với Trung tâm Xúc tiến đầu tư tỉnh tham mưu cho UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung Quyết định số 182/QĐ-UBND cho phù hợp.

2.3. Điều 2 (Điều khoản thi hành), khoản 2 quy định: “2. *Đối với các trường hợp cán bộ, công chức, viên chức có bằng tốt nghiệp đại học ngành hành chính học, thạc sĩ quản lý hành chính công, tiến sĩ quản lý hành chính công trước ngày 01/8/2021 được thay thế tiêu chuẩn về chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước ngạch chuyên viên*” là chưa rõ ràng, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu để chỉnh sửa.

Ngoài ra, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu bổ sung quy định chuyển tiếp đối với các trường hợp đang thực hiện hồ sơ, quy trình bổ nhiệm, tiêu chuẩn phù hợp với tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm tại Quyết định cũ (quyết định được sửa đổi, bổ sung) nhưng không đảm bảo phù hợp với tiêu chuẩn mới tại dự thảo Quyết định này.

3. Thể thức, kỹ thuật soạn thảo văn bản

Đề nghị tiếp tục rà soát chỉnh sửa thể thức, kỹ thuật trình bày dự thảo văn bản cho phù hợp với quy định tại của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (*được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP*).

III. KẾT LUẬN

1. Đề nghị cơ quan soạn thảo tiếp thu ý kiến thẩm định nêu tại Phần II Báo cáo thẩm định này; tiếp tục rà soát, để chỉnh sửa, hoàn chỉnh dự thảo Quyết định cho phù hợp.

2. Sau khi hoàn chỉnh theo khoản 1 Mục III Báo cáo này, dự thảo văn bản đủ điều kiện trình UBND tỉnh theo quy định.

Trên đây là báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp về dự thảo Quyết định Quyết định của UBND tỉnh Sửa đổi, bổ sung quy định tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương trong các cơ quan chuyên môn, cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc và trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Nội vụ;
- Giám đốc Sở;
- Trang TTĐT STP;
- Lưu: VT, XDKTTHPL&PBGDPL. (Loan 05b).

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Thược